

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/DS-ST**  
Ngày 01-9-2020.  
“V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự góp hụi”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thị Gấm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Bùi Minh Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân góp hụi (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1969;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968;

Các đương sự đều có cùng địa chỉ: Ấp Y, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H, bà S đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Minh H trình bày yêu cầu như sau:**

Nguyên vào ngày 19/9/2018 bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị S làm chủ, hụi trị giá 1.000.000đ /15 ngày xỏ một lần, hụi xỏ vào các ngày 15 và 30 hàng tháng, tiền thảo 500.000đ, bà tham gia chơi 02 chân và đóng được 29

lần với tổng số tiền 58.000.000đ thì bà S tuyên bố dừng hội lại vào không xổ cho đến nay.

Vào ngày 16/01/2019 thì bà có tham gia chơi hội bà Nguyễn Thị S làm chủ hội, hội trị giá 02 triệu đồng 01 tháng xổ một lần, hội xổ vào ngày mùng 06 hàng tháng, tiền thảo 1.000.000đ, bà tham gia chơi 01 chân và đóng được 11 lần với tổng số tiền 22.000.000đ thì bà S tuyên bố dừng hội lại vào không xổ cho đến nay.

Vào ngày 09/6/2019 thì bà có tham gia chơi hội bà Nguyễn Thị S làm chủ hội trị giá 500.000đ /10 ngày xổ một lần, hội xổ vào ngày mùng 10, 20 và 30 hàng tháng, tiền thảo 250.000đ, bà tham gia chơi 03 chân và đóng được 11 lần với tổng số tiền 16.500.000đ thì bà S tuyên bố dừng hội lại vào không xổ cho đến nay.

Vào ngày 30/6/2019 thì bà có tham gia chơi hội bà Nguyễn Thị S làm chủ hội trị giá 300.000đ /một tuần xổ một lần, hội xổ vào ngày thứ ba hàng tuần, tiền thảo 150.000đ. Hội có 50 người tham gia bà tham gia chơi 03 chân và đã hốt được 01 chân, phần chân hội đã hốt xong và bà nợ là S số tiền 6.900.000đ. Còn lại 02 chân hội sống đóng được 28 lần với tổng số tiền là 16.800.000đ (Mười S triệu tám trăm nghìn đồng) thì bà S tuyên bố dừng hội lại vào không xổ cho đến nay. Như vậy sau khi cân trừ phần tiền hội đã hốt thì bà S còn nợ lại bà số tiền 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng cộng các dây hội thì bà S nợ lại bà sau khi cân trừ tiền hội chết là 106.400.000đ (Một trăm linh S triệu bốn trăm nghìn đồng), bà có gửi đơn đến ấp Y giải quyết thì bà S chỉ thừa nhận còn nợ chị số tiền 103.700.000đ (Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng) thì bà cũng đồng ý nhưng bà S không trả cho bà.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả số tiền hội 103.700.000đ (Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**Bị đơn Nguyễn Thị S có ý kiến:** Bà Nguyễn Thị S thừa nhận có nợ bà Nguyễn Minh H số tiền hội tổng cộng 103.700.000đ (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm nghìn đồng) đúng như bà H trình bày. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn

yêu cầu được trả dần số tiền 103.700.000đ, mỗi tháng trả 1.000.000đ, trả vào ngày 19 hàng tháng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 7/2020 cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất: Bà Nguyễn Thị S còn nợ bà Nguyễn Minh H số tiền 103.700.000đ ( Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nội dung không thống nhất: Bà H và bà S không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; bản tự khai thừa nhận nợ của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền hui còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hui)”.

[3] Về nội dung vụ án: Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là: Bà Nguyễn Thị S xác nhận còn nợ bà Nguyễn Minh H số tiền hui là 103.700.000đ (Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, HĐXX thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh H buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S có

nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Minh H số tiền hạn 103.700.000đ (Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí của vụ án: 103.700.000đ x 5% = 5.185.000đ (Năm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## Tuyên xử:

### 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh H.

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Minh H số tiền hui còn nợ là 103.700.000đ (Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

## 2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.185.000đ (Năm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Minh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008605 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai, các đương sự bà H và bà S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/9/2020).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Thị Gấm**